

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**



VNECO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 2 NĂM 2011
(KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC TẠI NGÀY 30/06/2011)**

THÁNG 08 NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(QUÝ 2 NĂM 2011 - DẠNG ĐẦY ĐỦ)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ ngày 30/06/2011)	Số đầu năm (ngày 01/01/2011)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.032.670.014.934	1.076.202.562.382
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		155.007.142.852	92.342.564.858
1. Tiền	111	V.01	10.917.382.852	24.652.804.858
2. Các khoản tương đương tiền	112		144.089.760.000	67.689.760.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	19.476.871.855	10.034.431.430
1. Đầu tư ngắn hạn	121		27.642.772.199	12.507.711.655
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(8.165.900.344)	(2.473.280.225)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		683.983.387.006	830.201.682.656
1. Phải thu của khách hàng	131		156.372.215.929	157.705.569.276
2. Trả trước cho người bán	132		200.974.491.350	167.442.759.903
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	333.671.562.383	512.049.104.182
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(7.034.882.656)	(6.995.750.705)
IV. Hàng tồn kho	140		120.334.864.932	99.193.524.944
1. Hàng tồn kho	141	V.04	120.334.864.932	99.193.524.944
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.867.748.289	44.430.358.494
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.089.230.730	1.377.912.006
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.490.314.346	5.129.976.207
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05	63.374.028	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		48.224.829.185	37.922.470.281
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		738.861.799.749	743.513.189.301
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.545.789.513	6.034.374.051
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	4.710.789.513	6.199.374.051
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(165.000.000)	(165.000.000)
II. Tài sản cố định	220		661.368.863.751	616.988.646.051
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	230.739.280.951	236.137.989.538
- Nguyên giá	222		334.894.843.607	332.919.490.393
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(104.155.562.656)	(96.781.500.855)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	94.391.605.777	93.404.755.587
- Nguyên giá	228		94.980.078.363	93.980.078.363
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(588.472.586)	(575.322.776)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	336.237.977.023	287.445.900.926
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		58.840.250.832	107.411.844.612
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		34.768.902.684	52.815.767.050
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	32.265.420.172	58.502.537.562
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(8.194.072.024)	(3.906.460.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.106.895.653	13.078.324.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	14.106.895.653	12.064.756.719
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262		0	1.013.567.868
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
V. Lợi thế thương mại	269		0	0
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		1.771.531.814.683	1.819.715.751.683

Chỉ tiêu nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ ngày 30/06/2011)	Số đầu năm (ngày 01/01/2011)
A. Nợ phải trả (300=310+320)	300		1.104.280.359.783	1.103.643.899.815
I. Nợ ngắn hạn	310		368.074.766.515	364.645.470.429
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	54.803.370.452	56.524.526.200
2. Phải trả người bán	312		84.874.849.705	100.485.448.801
3. Người mua trả tiền trước	313		20.265.800.629	27.280.814.138
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.395.254.761	12.500.907.519
5. Phải trả người lao động	315		9.569.737.988	11.251.386.755
6. Chi phí phải trả	316	V.17	98.466.474.070	101.957.146.841
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	80.606.001.583	37.752.448.759
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.537.797.249	6.961.556.626
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			8.555.480.078	9.931.234.790
II. Nợ dài hạn	330		736.205.593.268	738.998.429.386
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	736.041.088.203	738.160.568.203
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		164.505.065	289.696.909
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	468.164.274
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	80.000.000
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		601.987.284.024	646.893.463.320
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	601.987.284.024	646.893.463.320
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		637.210.610.000	637.210.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.754.320.931	2.751.236.556
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.500.578.449	1.500.578.449
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(32.440.609.408)	(28.671.591.329)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(6.138.666)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.785.071.126	5.673.490.640
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.270.088.141	9.865.074.464
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(26.092.775.215)	18.570.203.206
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		65.264.170.876	69.178.388.548
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		1.771.531.814.683	1.819.715.751.683

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(DẠNG ĐẦY ĐỦ - QUÝ 2 NĂM 2011)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	T.M	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	63.609.404.514	79.749.268.591	143.206.404.635	147.181.400.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		13.577.000	375.617.000	19.096.000	375.617.000
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10		63.595.827.514	79.373.651.591	143.187.308.635	146.805.783.187
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	49.184.379.305	58.432.773.690	109.577.282.648	114.827.135.554
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		14.411.448.209	20.940.877.901	33.610.025.987	31.978.647.633
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	10.592.012.974	25.379.120.031	12.530.964.494	44.754.203.201
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	35.941.376.670	24.063.203.511	50.497.251.117	42.060.947.494
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.262.121.329	23.736.766.204	32.431.561.008	38.836.514.872
8. Chi phí bán hàng	24		277.114.233	409.174.182	809.412.600	853.713.617
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.761.318.198	10.840.009.811	17.234.742.509	17.087.178.267
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.976.347.918)	11.007.610.429	(22.400.415.745)	16.731.011.456
11. Thu nhập khác	31		1.111.477.587	1.044.173.661	1.944.291.866	1.638.973.147
12. Chi phí khác	32		367.900.336	24.565.239	752.772.946	91.701.708
13. Lợi nhuận khác	40		743.577.251	1.019.608.422	1.191.518.920	1.547.271.439
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(2.244.559.294)	2.073.527.432	(1.924.631.353)	2.385.132.172
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.477.329.961)	14.100.746.282	(23.133.528.178)	20.663.415.067
16. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	(122.835.926)	2.846.256.350	143.012.413	3.755.388.469
16.1. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	40.526.546	(84.806.610)	-	(130.972.756)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(22.395.020.581)	11.339.296.542	(23.276.540.591)	17.038.999.353
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1.676.447.537)	178.587.114	(3.135.791.230)	(30.388.116)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(20.718.573.044)	11.160.709.428	(20.140.749.361)	17.069.387.470
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(334,25)	352,68	(324,92)	539,40

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang



Đoàn Đức Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 2 NĂM 2011
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			(Từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011)	(Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		163.984.768.069	191.954.537.702
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	2		(247.879.053.584)	(135.868.416.423)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(19.033.445.417)	(20.812.821.865)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(32.431.561.008)	(41.661.382.116)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(4.337.149.530)	(3.684.771.659)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		33.849.861.913	9.453.612.412
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(53.977.449.097)	(56.257.717.113)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		(159.824.028.654)	(56.876.959.062)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(36.560.678.822)	(4.520.149.694)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		200.169.786.355	12.062.356.513
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.088.414.314)	(1.583.672.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.815.121.300	33.400.696
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.471.762.610)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	58.613.527.396
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.257.274.628	480.619.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		146.121.326.537	65.086.081.832
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		86.562.840.000	9.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP đã phát hành	32		(3.729.618.048)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		56.264.823.782	82.294.809.448
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(61.174.015.798)	(129.647.852.504)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.565.277.679)	(1.780.500.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		76.358.752.257	(49.124.543.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		62.656.050.140	(40.915.420.627)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		92.342.564.858	76.818.127.864
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.527.854	96.766.383
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	155.007.142.852	35.999.473.620

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (Sau đây được viết tắt là “Tổng công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005. đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 3 năm 2007.

Ngày 06 tháng 08 năm 2009 Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010 Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3.

Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam có tên giao dịch:

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO

Địa chỉ trụ sở chính : Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại : 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

Website : www.vneco.com.vn

: www.vneco.biz

E-mail : vneco@dng.vnn.vn

: vneco@vneco.com.vn

Logo

:



VNECO

Cơ cấu Tổng công ty tại thời điểm 30/06/2011 như sau:

- Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm 09 đơn vị:

	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ tại 30/06/2011 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng cty tại 30/06/2011
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Thành phố Vinh - Nghệ An	13.197.100.000	52,93%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Thành phố Vinh - Nghệ An	11.219.270.000	38,63%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (*)	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	18.000.000.000	54,15%
4.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Đồng Hới - Quảng Bình	12.000.000.000	65,73%
5.	Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	8.384.748.000	60,85%
6.	Công ty CP Kết cấu thép & Mạ kẽm MÊCA.VNECO	Huyện Nhà Bè - Tp.HCM	90.075.000.000	70,05%
7.	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Thành phố Huế - TT Huế	59.900.000.000	88,65%
8.	Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An VNECO	Thành phố Vinh - Nghệ An	21.868.021.413	63,50%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Công ty CP Đầu tư và XD Điện Hồi Xuân VNECO Huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa 105.001.000.000 98,57%

(*) : Tổng Công ty nắm giữ 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty CP XD Điện VNECO 8

- Công ty liên con không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:**

- Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Huế do Tổng Công ty đang hoàn thiện thủ tục xúc tiến đầu tư và chưa góp vốn.

- Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu gồm 6 đơn vị:**

Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ tại 30/06/2011 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng cty tại 30/06/2011
1. Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	Thành phố Vinh - Nghệ An	18.611.410.000	31,45%
2. Công ty CP xây dựng điện VNECO 5	Thị xã Đông Hà - Quảng Trị	13.500.000.000	30,00%
3. Công ty CP xây dựng điện VNECO 6	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	24.225.000.000	43,91%
4. Công ty CP xây dựng điện VNECO 7	Thành phố Pleiku - Gia Lai	30.677.700.000	31,16%
5. Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	TP Quy Nhơn - Bình Định	9.984.500.000	30,05%
6. Công ty CP xây dựng điện VNECO 11	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	35.000.000.000	47,66%

Công ty liên kết không áp dụng theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất: không có

Tỷ lệ quyền biểu quyết bằng tỷ lệ vốn thực góp của Tổng công ty vào công ty con, công ty liên kết.

❖ **Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Tổng công ty**

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong giai đoạn tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 và tới ngày lập Báo cáo này gồm:

- Hội đồng quản trị:**

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Đồng	Ủy viên
Ông Phan Anh Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Ủy viên
Ông Phan Tất Trung	Ủy viên
Ông Thái Văn Chấn	Ủy viên

- Ban Lãnh đạo:**

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Ông Trần Văn Huy

Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Tịnh

Phó Tổng giám đốc

Ông Ngô Văn Cường

Phó Tổng giám đốc

Ông Phan Anh Quang

Kế toán trưởng

❖ Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:

Ông: Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.

❖ Thành phần Ban kiểm soát Tổng công ty:

Ông Đào Hữu Chuộng

Trưởng Ban

Ông Lê Thanh Nhã

Thành viên

Bà Thái Thị Thùy Trang

Thành viên

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại 30/06/2011 là 637.210.610.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm mười ngàn đồng).

Tại ngày 14/03/2011, thời điểm chốt danh sách cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền bỏ phiếu họp đại hội cổ đông thường niên 2011, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

- ✓ Nhà nước đóng góp số tiền là 189.000.000.000 đồng tương đương 29,66% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ phiếu ngân quỹ 9.789.200.000 đồng tương đương với 1,54% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ đông khác góp 438.421.410.000 đồng tương đương với 68,80% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ đông là tổ chức, cá nhân trong nước nắm giữ: 98,71% vốn điều lệ.
- ✓ Cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ: 1,29% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị; đầu tư tài chính; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng; Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;

Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;

Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;

Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;

Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;

Đầu tư tài chính;

Sản xuất và kinh doanh điện;

Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;

Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;

Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;

Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;

Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;

Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006; Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các Ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Tổng công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- TSCĐ vô hình không phải là quyền sử dụng đất lâu dài được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thời gian sử dụng ước tính của từng tài sản; đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo Thông tư số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với chuẩn mực số 05 - Bất động sản đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5- Phương pháp ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản đầu tư công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu; các khoản đầu tư tài chính khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư có tổn thất Tổng công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

Chi phí đi vay phục vụ các công trình xây dựng cơ bản, các dự án đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị được vốn hóa vào giá trị công trình đầu tư khi đủ điều kiện vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm lợi thế thương mại của Tổng công ty; chi phí đào tạo và công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; khoản đã được các đơn vị nhận thi công, các đơn vị thầu phụ ghi nhận vào chi phí của công trình nhưng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán chưa hoàn thiện đầy đủ các thủ tục để thanh toán với Tổng công ty. Tuy nhiên, khối lượng các công trình, các hạng mục công trình đó đã được nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư.

Trích trước chi phí sửa chữa lớn: Nhằm đảm bảo giá thành ổn định giữa các kỳ trong năm tài chính căn cứ vào kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt, cuối năm tài chính nếu số trích trước lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì chênh lệch trích thừa được hoàn nhập giảm chi phí trong năm.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu dịch vụ: được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán số 14 - doanh thu và thu nhập khác. Đối với phần công việc hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động xây lắp: được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy; căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Tổng công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh các khoản doanh thu tiền lãi trong kỳ kế toán, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ kế toán và cổ tức, lợi nhuận được chia.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1 - Tiền	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	2.946.378.815	1.930.012.506
Tiền gửi ngân hàng	7.971.004.037	22.567.812.352
Tiền đang chuyển	-	154.980.000
Cộng	10.917.382.852	24.652.804.858

2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn ^(a)	27.642.772.199	12.507.711.655
Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn ^(b)	(8.165.900.344)	(2.473.280.225)
Cộng	19.476.871.855	10.034.431.430

(a)- Chi tiết đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty mẹ đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	25.258.889.037	8.323.828.493
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	1.151.852	1.151.852
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	2.232.731.310	2.232.731.310
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO đầu tư ngắn hạn khác	150.000.000	150.000.000
Công ty CP XD Điện Hồi Xuân VNECO đầu tư ngắn hạn khác	-	1.800.000.000
Cộng	27.642.772.199	12.507.711.655

(b)- Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(439.463.750)	(414.841.310)
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO - Dự phòng đầu tư ngắn hạn	-	(24.622.440)
Công ty mẹ - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.726.436.594)	(2.033.816.475)
Cộng	(8.165.900.344)	(2.473.280.225)

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.055.253.535	1.707.488.496
Kinh phí công đoàn	2.219.715	2.561.271
Phải thu khác các công ty liên kết trong tổ hợp	42.214.927.499	35.802.085.762
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	485.210.876	385.007.908
Phải thu khác (*)	289.913.950.758	474.151.960.745
Cộng	333.671.562.383	512.049.104.182

(*) Các khoản phải thu khác	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Các khoản thu khác tại Công ty mẹ	270.253.802.604	466.476.089.627
Lâm Phúc Lâm và Lã Thị Thùy Vân	182.520.858.333	182.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Vân Hà	22.819.715.546	22.819.715.546
Lý Quốc Cường	3.100.601.109	3.100.601.109
Ban QLDA các công trình Điện Miền Bắc làm chủ đầu tư)	11.078.281.466	9.708.882.356
Phải thu cổ tức tại các đơn vị trong tổ hợp	3.423.361.224	3.373.058.224
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung	2.565.161.224	48.343.771
Ban QLDA các công trình Điện Miền Nam	8.208.345.914	20.824.454.816
Tổng cục kỹ thuật Bộ Công An	2.590.000.001	2.590.000.001
Công ty TNHH Huawei	4.682.687.222	4.682.687.222
Ban QLDA Thủy điện 7 (công trình Thủy điện An Khê - Ka Nak)	698.338.698	698.338.698
Ngô Kim Huệ	-	200.000.000.000
Công Ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	5.665.822.222
Công ty CP Xây lắp Điện 1	4.257.738.031	4.257.738.031
Công ty cổ phần Thành Long	22.950.000.000	
Đối tượng khác	1.358.713.836	6.185.589.298
- Các khoản thu khác tại các Công ty con	19.660.148.154	7.675.871.118
Cộng	289.913.950.758	474.151.960.745

4 - Hàng tồn kho	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.674.205.530	22.528.916.900
Công cụ, dụng cụ	1.112.743.524	877.150.093
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61.783.351.473	54.677.153.690
Thành phẩm	23.922.903.710	18.445.839.661
Hàng hóa	3.819.143.757	2.660.306.681
Hàng gửi đi bán	22.516.938	4.157.919
Cộng giá gốc hàng tồn kho	120.334.864.932	99.193.524.944

5 - Thuế và các khoản phải thu	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu nhà nước khác	63.374.028	-
Cộng	63.374.028	-

7 - Phải thu dài hạn khác	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác về giao dịch liên quan đến TSCĐ giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết trong tổ hợp VNECO	4.664.289.284	6.172.272.424
Phải thu dài hạn khác	46.500.229	27.101.627
Cộng	4.710.789.513	6.199.374.051

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ HH					
Tại 01/01/2011	248.783.014.501	38.213.014.908	35.639.818.017	10.283.642.967	332.919.490.393
Tăng trong kỳ	180.169.892	14.638.850.906	1.099.114.547	264.222.819	16.182.358.164
- Đầu tư XDCB hoàn thành	127.132.928	0	0	0	127.132.928
- Đầu tư mua sắm mới	53.036.964	1.104.973.744	1.099.114.547	264.222.819	2.521.348.074
- Tăng khác	0	13.533.877.162	0	0	13.533.877.162
Giảm trong kỳ	8.388.008.362	372.313.503	5.033.987.889	412.695.196	14.207.004.950
- Thanh lý, nhượng bán	0	372.313.503	185.714.285	125.000.000	683.027.788
- Giảm khác	8.388.008.362	0	4.848.273.604	287.695.196	13.523.977.162
Tại 30/06/2011	240.575.176.031	52.479.552.311	31.704.944.675	10.135.170.590	334.894.843.607
HAO MÒN					
Tại 01/01/2011	32.113.575.025	38.202.764.379	22.807.896.262	3.657.265.189	96.781.500.855
Tăng trong kỳ	4.099.886.847	2.092.101.616	1.589.783.442	244.121.694	8.025.893.599
- Khấu hao trong kỳ	4.099.886.847	2.092.101.616	1.589.783.442	244.121.694	8.025.893.599
- Tăng khác	0	0	0	0	0
Giảm trong kỳ	29.580.583	372.312.903	124.938.312	125.000.000	651.831.798
- Thanh lý, nhượng bán	0	372.312.903	124.938.312	125.000.000	622.251.215
- Giảm khác	29.580.583	0	0	0	29.580.583
Tại 30/06/2011	36.183.881.289	39.922.553.092	24.272.741.392	3.776.386.883	104.155.562.656
GT CÒN LẠI TSCĐ HH					
Tại 01/01/2011	216.669.439.476	10.250.529	12.831.921.755	6.626.377.778	236.137.989.538
Tại 30/06/2011	204.391.294.742	12.556.999.219	7.432.203.283	6.358.783.707	230.739.280.951

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bảng phát minh sáng chế	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ VH				
Tại 01/01/2011	93.340.691.503	50.086.320	589.300.540	93.980.078.363
Tăng trong kỳ	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000
- Mua trong kỳ	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000
- Tăng khác	0	0	0	0
Giảm trong kỳ	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 30/06/2011	94.340.691.503	50.086.320	589.300.540	94.980.078.363
HAO MÒN				
Tại 01/01/2010	0	50.086.320	525.236.456	575.322.776
Tăng trong kỳ	0	0	13.149.510	13.149.510
- Khấu hao trong kỳ	0	0	13.149.510	13.149.510
- Tăng khác	0	0	0	0
Giảm trong kỳ	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 30/06/2011	0	50.086.320	538.385.966	588.472.286
GT CÒN LẠI TSCĐ VH				
Tại 01/01/2010	93.340.691.503	0	64.064.084	93.404.755.587
Tại 30/06/2011	94.340.691.503	0	50.914.574	94.391.606.077

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	336.237.977.023	287.445.900.926
Cộng	336.237.977.023	287.445.900.926

(*) Trong đó một số công trình lớn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- DA đầu tư khu Du lịch Xanh Lãng Cô (VNECO)	10.420.047.476	9.577.903.648
- DA đầu tư Khu Du lịch sinh thái Hoàng Sơn (VNECO)	3.144.900.421	3.144.900.421
- DA đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế (VNECO)	62.691.506.843	26.141.361.420
- Dự án Siêu Thị GREEN MART (Đà Nẵng) (VNECO)	47.475.266.244	45.160.955.377

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Dự án khu cao ốc VP VNECO tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Hồ Chí Minh (VNECO)	45.912.107.905	40.614.835.177
- Dự án xây dựng tại 277 Bến Bình Đông (MÊCA VNECO)	94.280.043.200	90.538.120.200
- Dự án Nhà máy Thủy Điện Hồi Xuân	70.942.269.543	66.962.985.017
- Một số dự án khác	1.371.835.391	5.304.839.666
Cộng	336.237.977.023	287.445.900.926

13 - Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu ^(a)	32.265.420.172	58.502.537.562
Đầu tư trái phiếu ^(b)	-	-
Cộng	32.265.420.172	58.502.537.562

(a) Đầu tư cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	6.517.000.000	6.517.000.000
Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Thủy điện Sông Chơ	3.695.521.472	3.695.521.472
Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 1	704.900.000	704.900.000
- Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9	3.146.897.085	3.146.897.085
- Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	4.885.801.615	4.122.919.005
Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP KC Thép Thành Long - VINECO	-	27.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP CP Tư vấn và Xây dựng VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	1.099.900.000	1.099.900.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	1.915.400.000	1.915.400.000
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Sông Ba	300.000.000	300.000.000
Cộng	32.265.420.172	58.502.537.562

14 - Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí đào tạo	5.569.779.006	5.926.431.342
Chi phí phát hành trái phiếu	968.714.987	1.518.714.987
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.568.401.660	4.619.610.390

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Cộng	14.106.895.653	12.064.756.719
15 - Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(*)	54.803.370.452	56.524.526.200
Cộng	54.803.370.452	56.524.526.200
(*) Vay ngắn hạn ngân hàng	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty mẹ vay:	25.219.884.796	14.977.125.583
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	18.661.162.913	8.245.709.819
+ Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	6.035.805.358	3.160.224.676
+ Tại Ngân hàng CPTM Công thương Liên Chiểu	-	3.571.191.088
+ Tại Ngân hàng TMCP An Bình	522.916.525	-
Các Công ty con vay:	29.583.485.656	41.547.400.617
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	707.598.679	1.196.895.002
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	9.642.288.979	9.120.000.000
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12	12.319.837.203	11.660.683.561
+ Công ty CP Đầu tư và XD Điện MẾCA VNECO	100.000.000	14.000.000.000
+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	4.773.301.477	2.089.639.395
+ Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	640.000.000	680.000.000
+ Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	496.774.216	1.779.139.573
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hồi Xuân VNECO	-	-
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4	903.685.102	1.021.043.086
Cộng	54.803.370.452	56.524.526.200
16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.159.261.918	6.086.087.796
Thuế tiêu thụ đặc biệt	19.790.844	15.562.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.656.740.935	6.059.521.113
Thuế thu nhập cá nhân	39.144.811	83.150.982
Thuế nhà đất	520.316.253	256.585.531
Cộng	4.395.254.761	12.500.907.519
17 - Chi phí phải trả	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí trích trước cho các công trình ^(a)	97.831.525.661	101.010.824.597
Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả ^(b)	634.948.409	580.957.803
Chi phí phải trả khác ^(c)	-	365.364.441
Cộng	98.466.474.070	101.957.146.841

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

(a) Chi phí trích trước cho các công trình	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công mạng truyền hình nhà công vụ số 8 Bạch Đằng T26	498.687.000	498.687.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT Camera Ngân hàng NN&PTNT, Chi nhánh Chợ Cồn	65.936.364	65.936.364
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT mạng tổng đài điện thoại Ngân hàng NN&PTNT, CN Chợ Cồn	278.624.727	278.624.727
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT Mạng trung tâm huấn luyện nghiệp vụ ngân hàng	28.580.419	28.580.419
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 12.3)	0	1.081.537.388
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 13.1)	2.932.701.412	1.096.192.020
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 5.3)	0	4.077.277.692
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 7.1)	6.840.043.706	7.254.303.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Phú Mỹ - Sông mây	12.037.612.387	11.190.446.979
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV NMĐ Cà Mau - Rạch Giá	227.445.405	227.445.405
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Ô Môn - Sóc Trăng	1.065.704.727	10.700.140.062
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV TĐ Đồng Nai 3 - Trạm 500kV Đắk Nông	3.575.876.741	2.633.473.881
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Trạm BA 200kV Phan Thiết	752.717.662	752.717.662
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Thuỷ điện An Khê - Ka Nak	2.354.460.962	2.368.104.108
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng lắp đặt HT cột ăngten Huawei	1.579.661.457	900.000.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Khu cao ốc K/ sạn Văn Phòng 223 Trần Phú ĐN	1.767.100.068	1.767.100.068
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Công trình Thuỷ điện A Roàng - Thừa Thiên Huế	595.545.455	615.080.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công cụm DATD Quảng Nam	403.347.273	403.347.273
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công hạ tầng KDC Nguyễn Chánh	368.631.434	1.277.147.948
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng cung cấp cột thép cho dự án Huawei	229.405.471	229.405.471
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng cung cấp lắp đặt HT TĐài, ĐT, MMT, AT NHàng Nông Nghiệp Q. Hải Châu	473.600.693	473.600.693
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Cay Lậy - Trà Nóc	4.107.469.596	4.132.268.129
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công DA Thuỷ Điện Hồi Xuân	30.463.125.509	42.253.247.868
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây	24.214.918.706	-
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220Kv Bản Lả - Vĩnh (từ G76-ĐC và MR, HĐ 43)	424.666.420	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	16.740.578	8.171.373
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	126.191.621	660.450.890
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	102.000.000	96.106.405
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	340.000.000	690.472.532
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	1.960.729.868	1.663.025.808
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca VNECO trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	0	1.633.745.432
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hồi Xuân VNECO trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	0	1.954.188.000
Cộng	97.831.525.661	101.010.824.597

(b) Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty mẹ dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	629.360.769	344.679.111
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	0	150.691.052
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MEECA VNECO dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	0	80.000.000
- Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	5.587.640	5.587.640
Cộng	634.948.409	580.957.803

(c) Chi phí phải trả khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 trích trước phải trả thù lao HĐQT và thù lao Ban kiểm soát	-	61.200.000
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 trích trước tiền nhân công	-	304.164.441
Cộng	-	365.364.441

18 - Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	684.862.575	890.766.581
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	2.733.210.943	1.585.354.196
Cổ tức phải trả	735.964.305	1.409.709.511
Phải trả về cổ phần hóa	1.595.560.000	1.595.560.000
Các khoản phải trả khác ^(*)	74.856.403.760	32.271.058.471
Cộng	80.606.001.583	37.752.448.759

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

(*) Các khoản phải trả khác:	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác tại Công ty mẹ:	70.290.101.757	28.968.573.171
Phải trả khoản lãi phát hành trái phiếu DN	37.921.527.779	12.687.500.001
Nhận tiền góp vốn vào dự án khu đất phân lô Nguyễn Chánh, TP Đà Nẵng	315.066.647	339.087.009
Phải trả tiền đền bù các công trình	123.955.043	73.192.203
Phải trả cho các Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO	12.311.036.955	15.272.831.900
Cổ tức phải trả năm 2010 cho cổ đông theo NQĐHĐCĐ năm 2011	18.822.642.300	
Phải trả, phải nộp khác	795.873.033	595.962.058
Các khoản phải trả, phải nộp khác tại các Công ty con:	4.566.302.003	3.302.485.300
Cộng	74.856.403.760	32.271.058.471

20- Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngân hàng ^(a)	236.041.088.203	238.160.568.203
Trái phiếu phát hành ^(b)	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	736.041.088.203	738.160.568.203
(a) Vay dài hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng công ty vay	228.127.478.388	229.927.478.388
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng	50.977.478.388	50.977.478.388
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	19.650.000.000	21.450.000.000
+ Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng	157.500.000.000	157.500.000.000
Các Công ty con vay	7.913.609.815	8.233.089.815
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	3.778.689.815	4.401.189.815
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4	762.000.000	889.000.000
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12	800.000.000	800.000.000
+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	437.500.000	562.500.000
+ Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	1.464.600.000	1.580.400.000
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca VNECO	670.820.000	-
Cộng	236.041.088.203	238.160.568.203

(b) Trái phiếu phát hành:

Loại trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm
Mệnh giá trái phiếu:	100.000 đồng/trái phiếu
Số lượng trái phiếu phát hành:	5.000.000
Lãi suất:	10,15%/năm
Ngày phát hành:	28/9/2007
Thời hạn:	05 năm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ DPTC	Quỹ khác thuộc vốn CSH	LNST chưa PP	Cộng
Số dư đầu Q1/2011	637.210.610.000	2.751.236.556	1.500.578.449	(28.671.591.329)	(6.138.666)	5.673.490.640	9.865.074.464	0	18.570.203.206	646.893.463.320
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	577.823.683	577.823.683
- Tăng khác	0	3.084.375	0	(26.993.541)	6.138.666	471.199.782	146.287.890	0	253.898.753	853.615.925
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	741.229.761	0	0	0	0	0	0	741.229.761
Số dư cuối Q1/2011, số dư đầu Q2/2011	637.210.610.000	2.754.320.931	759.348.688	(28.698.584.870)	0	6.144.690.422	10.011.362.354	0	19.401.925.642	647.583.673.167
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	741.229.761	(3.742.024.538)	0	1.640.380.704	1.258.725.787	0		(101.688.286)
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	20.718.573.043	20.718.573.043
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0	24.776.127.814	24.776.127.814
Số dư cuối Q2/2011	637.210.610.000	2.754.320.931	1.500.578.449	(32.440.609.408)	0	7.785.071.126	11.270.088.141	0	(26.092.775.215)	601.987.284.024

(*) Chi tiết Cổ phiếu quỹ tại 30/06/2011:

(32.440.609.408)

Tại Công ty mẹ:

(28.712.098.397)

Công ty con mua cổ phiếu Công ty Mẹ:

(3.251.539.750)

Lợi ích cổ đông Công ty mẹ trong cổ phiếu quỹ tại các Công ty liên kết:

(476.971.261)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	189.000.000.000	189.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	448.210.610.000	448.210.610.000
Cộng	637.210.610.000	637.210.610.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận đã chia

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	637.210.610.000	637.210.610.000
Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
Vốn góp cuối kỳ	637.210.610.000	637.210.610.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

d- Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
+ Số lượng cổ phiếu Nhà nước nắm giữ	18.900.000	18.900.000
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.735.180	1.115.180
++ Số lượng CP Công ty mẹ mua lại	1.598.920	978.920
++ Số lượng CP các Công ty con mua lại	136.260	136.260
+ Số lượng cổ phiếu của cổ đông khác	43.085.881	43.705.881
++ Cổ phiếu phổ thông	43.085.881	43.705.881
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	61.985.881	62.605.881
++ Cổ phiếu phổ thông	61.985.881	62.605.881
(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT:

Chỉ tiêu	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng	5.852.946.511	42.577.273.183	9.055.174.479	48.679.734.513
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.005.855.851	15.121.250.520	31.326.302.248	28.678.287.554
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	41.719.918.423	21.657.562.008	102.624.470.176	69.416.177.040
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	17.106.729	17.565.880	181.361.732	31.584.080
Cộng	63.595.827.514	79.373.651.591	143.187.308.635	146.805.783.187
28- Doanh thu hoạt động tài chính				
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.445.047.398	155.631.479	11.175.813.600	506.538.603
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	980.554.808	(307.595.302)	1.188.597.808	(181.323.533)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	625.568	37.422.002	767.886	84.957.089
- Lợi nhuận đầu tư cổ phiếu	127.288.700	25.493.661.852	127.288.700	44.344.031.042
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	38.496.500	-	38.496.500	-
Cộng	10.592.012.974	25.379.120.031	12.530.964.494	44.754.203.201
29- Giá vốn hàng bán				
- Doanh thu bán hàng	5.300.392.342	30.137.049.957	7.819.566.098	34.992.216.241
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.333.224.714	13.967.875.857	26.867.482.211	25.695.298.892
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	29.525.374.384	14.295.082.605	74.693.354.015	54.045.119.819
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	25.387.865	32.765.271	196.880.324	94.500.602
Cộng	49.184.379.305	58.432.773.690	109.577.282.648	114.827.135.554
30- Chi phí tài chính				
- Lãi tiền vay ^(*)	18.262.121.329	23.736.766.204	32.431.561.008	40.312.854.611
- Chi phí hoạt động đầu tư tài chính	4.051.233.435	320.186.666	4.051.233.435	374.270.024
- Chiết khấu thanh toán	-	-	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	65.531	-	65.531
- Lỗ do bán chứng khoán	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	(775.830.000)	-	(959.370.000)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	10.916.832.142	775.829.994	11.291.832.143	2.307.591.062
- Chi phí tài chính khác	11.189.764	6.185.116	22.624.531	25.536.266
Cộng	35.941.376.670	24.063.203.511	50.497.251.117	42.060.947.494

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Chỉ tiêu	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010

(*) Trong đó lãi tiền vay Quý 2 năm 2011 được chi tiết như sau:

	VND
- Chi phí đi vay vốn tại Công ty mẹ	11.599.239.710
- Chi phí đi vay vốn tại các Công ty con	6.662.881.619
Cộng	18.262.121.329

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(122.835.926)	2.846.256.350	143.012.413	3.755.388.469
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(122.835.926)	2.846.256.350	143.012.413	3.755.388.469

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(20.718.573.044)	11.160.709.428	(20.140.749.361)	17.069.387.470
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	0	0	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	0	0	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	0	0	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(20.718.573.044)	11.160.709.428	(20.140.749.361)	17.069.387.450
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	61.985.881	31.645.380	61.985.881	31.645.380
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(334,25)	352,68	(324,92)	539,40

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

VIII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:**5- Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7- Những thông tin khác:

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh giữa Công ty mẹ với các bên liên quan bao gồm:

Tổng Công ty phải thu:

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	CÔNG TY CON	230.535.463.726	105.416.393.666	86.358.420.479	249.593.436.913
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	(246.193.363)	775.905.200	1.030.085.125	(500.373.288)
	Kinh phí đến bù	(344.094.288)		173.755.000	(517.849.288)
	Cổ tức phải thu	78.640.925	768.429.200	847.070.125	0
	Phải thu khác	19.260.000	7.476.000	9.260.000	17.476.000
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	(278.006.320)	858.200.000	67.811.000	512.382.680
	Kinh phí đến bù	(441.410.530)			(441.410.530)
	Cổ tức phải thu	36.124.210	858.200.000	0	894.324.210
	Phải thu khác	127.280.000		67.811.000	59.469.000
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	509.077.222	789.811.011	0	1.298.888.233
	Kinh phí đến bù	(165.415.734)	60.000.000		(105.415.734)
	Cổ tức phải thu	0	682.107.400	0	682.107.400
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	507.111.111	44.423.611		551.534.722
	Phải thu khác	167.381.845	3.280.000		170.661.845
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	(128.833.200)	801.307.000	67.163.800	605.310.000
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	0			0
	Cổ tức phải thu	0	788.700.000	0	788.700.000
	Kinh phí đến bù	(128.833.200)	7.000.000	67.163.800	(188.997.000)
	Phải thu khác	0	5.607.000		5.607.000
5	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	9.264.031.453	7.273.391.691	10.415.003.541	6.122.419.603
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.789.493.727	115.000.686	58.424.282	1.846.070.131
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	2.648.004.933	6.949.614.431	10.123.411.942	(525.792.578)
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	74.974.641		74.974.641	0
	Kinh phí đến bù	292.689.712		6.500.000	286.189.712
	Phải thu khác	4.458.868.440	208.776.574	151.692.676	4.515.952.338
6	Cty CP Kết cấu thép và Mạ kẽm Meca VNECO	41.461.039.236	82.025.438.648	26.454.589.628	97.031.888.256
	Giao dịch liên quan đến hợp đồng mua bán vật tư	37.280.412.599			37.280.412.599
	Cổ tức phải thu	0	6.310.000.000	6.310.000.000	0
	Kinh phí đến bù	(166.435.500)	166.435.500	38396500	(38.396.500)
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.831.197.723	15.760.239.259	19.177.977.675	413.459.307

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	Phải thu khác	515.864.414		515.864.414	0
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	59.788.763.889	412.351.039	59.376.412.850
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế	137.148.161.088	12.121.631.783	8.738.158.685	140.531.634.186
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	82.838.543.660		4.942.304.646	77.896.239.014
	Phải thu khác	54.309.617.428	12.121.631.783	3.795.854.039	62.635.395.172
	Kinh phí đền bù	0			0
8	Công ty CP Đầu tư và thương mại VNECO Huế	248.018.874	0	0	248.018.874
	Phải thu khác	248.018.874	0	0	248.018.874
9	Công ty Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO	39.477.444.736	0	39.550.601.700	(73.156.964)
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	37.603.925.736		37.545.812.000	58.113.736
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.954.188.000		1.954.188.000	0
	Phải thu khác	0			0
	Kinh phí đền bù	(80.669.000)		50.601.700	(131.270.700)
10	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	3.080.724.000	770.708.333	35.007.000	3.816.425.333
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	3.080.724.000	770.708.333	35.007.000	3.816.425.333
	CÔNG TY LIÊN KẾT	33.969.027.565	29.132.686.084	20.672.746.545	42.428.967.104
11	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	(7.033.225.456)	4.464.513.909	1.386.707.506	(3.955.419.053)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0			0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	(7.210.610.905)	4.454.987.909	1.386.707.506	(4.142.330.502)
	Kinh phí đền bù	0	0	0	0
	Phải thu khác	177.385.449	9.526.000		186.911.449
	Cổ tức phải thu	0			0
12	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	996.861.560	4.532.171.590	2.000.000.000	3.529.033.150
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	0	0	0	0
	Kinh phí đền bù	(213.722.500)	0	0	(213.722.500)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.004.722.222	4.483.796.944	2.000.000.000	3.488.519.166
	Cổ tức phải thu	0	0	0	0
	Phải thu khác	205.861.838	48.374.646	0	254.236.484
13	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	12.224.695.133	1.523.316.742	6.130.043.113	7.617.968.762
	Kinh phí đền bù	9.341.803	11.000.000	0	20.341.803
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	12.193.833.333	849.251.208	6.130.043.113	6.913.041.428
	Phải thu khác	21.519.997	48.711.710	0	70.231.707
	Cổ tức phải thu	0	614.353.824	0	614.353.824
14	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	9.093.233.988	1.705.623.272	678.121.609	10.120.735.651
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	840.162.283	866.383.773	634.189.182	1.072.356.874
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	2.757.272.222	167.694.444	0	2.924.966.666
	Kinh phí đền bù	66.630.629	20.000.000	0	86.630.629
	Phải thu khác	5.429.168.854	651.545.055	43.932.427	6.036.781.482
	Cổ tức phải thu	0	0	0	0
15	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	590.099.860	3.507.333.333	0	4.097.433.193

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	Kinh phí đền bù	30.975.915	0	0	30.975.915
	Cổ tức phải thu	0	480.000.000	0	480.000.000
	Phải thu khác	559.123.945	0	0	559.123.945
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	3.027.333.333	0	3.027.333.333
16	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	18.097.362.480	13.399.727.238	10.477.874.317	21.019.215.401
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	(2.438.930.389)	7.991.600.508	7.002.410.834	(1.449.740.715)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	2.238.950.034	344.530.556	1.603.938.923	979.541.667
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	6.172.272.424	0	1.507.983.140	4.664.289.284
	Kinh phí đền bù	32.268.888	0	0	32.268.888
	Phải thu khác	12.092.801.523	5.063.596.174	363.541.420	16.792.856.277
	TỔNG CỘNG	264.504.491.291	134.549.079.750	107.031.167.024	292.022.404.017

Tổng Công ty phải trả:

TT	Tên Công ty	Số phải trả đầu kỳ	Số phải trả phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số còn phải trả cuối kỳ
	CÔNG TY CON	26.051.831.579	2.481.553.428	14.514.656.356	14.018.728.651
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	8.317.912.481	222.288.000	5.031.775.354	3.508.425.127
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	8.317.912.481	222.288.000	5.031.775.354	3.508.425.127
	Phải trả khác	0	0	0	0
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	7.417.189.446	776.356.525	3.501.334.876	4.692.211.095
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	7.417.189.446	776.356.525	3.501.334.876	4.692.211.095
	Phải trả khác	0	0	0	0
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	6.045.341.489	837.204.220	2.969.054.721	3.913.490.988
	Phải trả khác	0	0	0	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.045.341.489	837.204.220	2.969.054.721	3.913.490.988
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	3.342.687.066	0	900.000.000	2.442.687.066
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.342.687.066	0	900.000.000	2.442.687.066
5	Công ty CP Kết cấu thép và Mạ kẽm Mēca VNECO	0	150.208.000	150.208.000	0
	Phải trả khác	0	150.208.000	150.208.000	0
6	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An	0	35.007.000	35.007.000	0
	Phải trả khác	0	35.007.000	35.007.000	0
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế	0	395.854.039	995.854.039	(600.000.000)
	Phải trả khác	0	395.854.039	395.854.039	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	0	0	600.000.000	(600.000.000)
8	Công ty Đầu tư và Xây dựng điện Hời Xuân VNECO	928.701.097	64.635.644	931.422.366	61.914.375
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	928.701.097	64.635.644	931.422.366	61.914.375
	TÊN CÔNG TY LIÊN KẾT	30.496.216.971	6.206.144.560	13.030.911.860	23.671.449.671
9	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	0	0	0	0
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	0	0	0
10	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	6.977.053.196	1.551.004.254	4.949.123.747	3.578.933.703
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.977.053.196	1.551.004.254	4.949.123.747	3.578.933.703

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên Công ty	Số phải trả đầu kỳ	Số phải trả phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số còn phải trả cuối kỳ
11	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	6.169.660.500	2.501.140.669	4.435.343.113	4.235.458.056
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.169.660.500	2.501.140.669	4.435.343.113	4.235.458.056
	Phải trả khác	0	0	0	0
12	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	14.000.000.000	0	2.700.000.000	11.300.000.000
	Phải trả khác	14.000.000.000		2.700.000.000	11.300.000.000
13	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.349.503.275	2.108.785.637	901.231.000	4.557.057.912
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.349.503.275	2.108.785.637	901.231.000	4.557.057.912
14	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	0	45.214.000	45.214.000	0
	Phải trả khác	0	45.214.000	45.214.000	0
	TỔNG CỘNG	56.548.048.550	8.687.697.988	27.545.568.216	37.690.178.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Theo Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 2 năm 2011, VNECO xin giải trình những chỉ tiêu có biến động tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2010:

1- Lợi nhuận gộp giảm:

Quý 2 năm 2011:	14.411.448.209 đồng
Quý 2 năm 2010:	20.940.877.901 đồng
Giảm :	6.259.429.692 đồng - tương đương 31,18%

Nguyên nhân: Doanh thu thuần giảm 19,88% so với cùng kỳ năm ngoái và giá vốn chỉ giảm 15,83% đã làm cho lợi nhuận gộp giảm 31,18%.

2- Doanh thu hoạt động tài chính giảm:

Quý 2 năm 2011:	10.592.012.974 đồng
Quý 2 năm 2010:	25.379.120.031 đồng
Giảm :	14.787.107.057 đồng - tương đương 58,26%

Nguyên nhân: Doanh thu hoạt động tài chính giảm 58,26% do Quý 2/2010 VNECO có khoản thu về từ hoạt động thoái vốn tại các đơn vị trong tổ hợp là 25 tỷ đồng, làm cho thu nhập hoạt động tài chính quý 2/2010 cao hơn quý 2/2011.

3- Chi phí tài chính tăng:

Quý 2 năm 2011:	35.941.376.670 đồng
Quý 2 năm 2010:	24.063.203.511 đồng
Tăng :	11.878.173.159 đồng - tương đương 49,36%

Nguyên nhân: Chi phí tài chính tăng so với cùng kỳ năm ngoái là 49,36% do sự tụt giảm của thị trường chứng khoán, Công ty mẹ và các công ty con đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, mặc khác VNECO đã thực hiện thoái vốn đầu tư vào Công ty CP Kết cấu Thép Thành Long VINECO.

Các nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ Quý 2 năm 2011 giảm so với Quý 2 năm 2010 là 31.879.282.472 đồng.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****Trần Quang Cần****Phan Anh Quang****Đoàn Đức Hồng**